

QUYỀN TỰ DO LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

VŨ QUANG (*)

Tóm tắt: Các loại hình doanh nghiệp được quy định trong pháp luật Việt Nam hiện nay đã phần nào đáp ứng được các nhu cầu thực tiễn đời sống kinh doanh. Qua đó, thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư góp vốn để thành lập các loại hình tổ chức kinh doanh với những dạng liên kết khác nhau với ưu, nhược điểm nhất định. Tuy vậy, việc pháp luật chỉ ghi nhận một số loại hình doanh nghiệp như hiện hành, thì nhà đầu tư vẫn còn bị hạn chế khi thực hiện quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp để thành lập. Thực trạng đó chưa phù hợp với xu hướng hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp nhằm ngày càng ghi nhận và mở rộng quyền tự do kinh doanh, trong đó có quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư. Bài viết phân tích những vấn đề pháp lý và thực tiễn về quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp trong pháp luật Việt Nam; đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Luật Doanh nghiệp; quyền tự do kinh doanh; quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp.

Abstract: Business entities prescribed in Vietnamese laws have met the practical requirements of business life, thereby attracting investment in various business structures with their advantages and disadvantages. However, the restricted number of business entities recognized by current national laws has limited investors' freedom in choosing the type of business structures. This situation contradicts the tendency of legal improvement towards recognizing and expanding business freedom, including the right to choose business entity. This paper analyzed theoretical and practical aspects of the freedom to choose business entity in Vietnamese laws in order to propose suggestions for legal improvement.

Keywords: Enterprise Law; business freedom; freedom to choose business entity.

Ngày nhận bài: 10/3/2021; Ngày sửa bài: 20/4/2021; Ngày duyệt đăng bài: 27/5/2021.

Đặt vấn đề

Pháp luật với tư cách là ghi nhận thực tiễn đời sống kinh doanh, cần thiết phải thừa nhận và quy định đa dạng loại hình doanh nghiệp tạo ra khả năng lựa chọn của các nhà đầu tư càng dễ dàng, quyền tự do kinh doanh được đảm bảo tốt hơn. Đặc biệt, khi mà xu hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện nay ở Việt Nam ngày càng ghi nhận và đảm bảo, mở rộng quyền tự do kinh doanh của công dân

theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm huy động mọi nguồn lực của xã hội để phát triển kinh tế đất nước. Vì thế, nghiên cứu có hệ thống về các quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong bối cảnh hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam.

(*) TS., Viện Kinh tế và Quản lý - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Email: quang.vu@hust.edu.vn

1. Các vấn đề pháp lý về quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp

Quyền tự do kinh doanh được coi là bộ phận quan trọng trong các quyền tự do của công dân, bởi *tự do kinh doanh là một hệ thống các quyền gắn kết với nhau mà pháp luật phải thừa nhận*⁽¹⁾. Tự do kinh doanh là *“khả năng của chủ thể thực hiện các hoạt động kinh doanh dưới các hình thức nhất định nhằm đạt được mục đích tìm kiếm lợi nhuận”*⁽²⁾. Tự do kinh doanh nếu hiểu theo nghĩa rộng là *khả năng mà tổ chức, cá nhân có thể làm những gì mà họ muốn, có thể lựa chọn, có thể tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lời*⁽³⁾. Còn hiểu theo nghĩa hẹp, tự do kinh doanh là *quyền của cá nhân trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp không bị sự can thiệp, cản trở, những nhiễu của nhà nước*⁽⁴⁾. Trong thực tiễn, mỗi nhà nước có mức độ và biểu hiện của việc ghi nhận và bảo đảm quyền tự do kinh doanh là khác nhau được thể hiện thông qua các quy định của pháp luật.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quy định này *thể hiện sự cởi mở và khuyến khích của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là tiền đề quan trọng để thay đổi về tư duy quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh*⁽⁵⁾. Cùng với Hiến pháp, hai văn bản quan trọng là Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Đầu tư 2014 đã ngày càng bảo đảm, mở rộng hơn quyền tự do kinh doanh của các nhà đầu tư. Trong nội dung các quyền tự do kinh doanh, thì quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp được coi là nội dung cơ bản, cốt lõi nhất. Theo đó nhà

đầu tư có quyền lựa chọn hoặc sáng tạo ra những loại hình doanh nghiệp với những đặc tính pháp lý phù hợp với nhu cầu, mong muốn của mình để thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Sự đa dạng của các loại hình doanh nghiệp được pháp luật ghi nhận sẽ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư được quyền lựa chọn các loại hình doanh nghiệp khác nhau để thành lập dựa trên tính chất liên kết của chủ sở hữu. Một số nhà đầu tư lựa chọn loại hình doanh nghiệp này để *giữ vững quyền kiểm soát công ty bằng các nhân cảnh những người ngoài. Chỉ có họ duy nhất có quyền được mua lại các cổ phần của các thành viên sáng lập*⁽⁶⁾. Hay nói một cách khác, nếu pháp luật chỉ giới hạn trong các loại hình doanh nghiệp hiện hành, thì nhà đầu tư vẫn còn bị hạn chế khi lựa chọn các hình thức kinh doanh để khởi nghiệp ý tưởng kinh doanh của mình. Đối với các nhà đầu tư việc *lựa chọn mô hình kinh doanh là một công việc rất quan trọng và có nhiều ý nghĩa. Kinh doanh theo mô hình nào, mô hình tổ chức đó có phù hợp hay không... là những vấn đề mà nhà đầu*

(1) Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.16.

(2) Bùi Ngọc Cường (2004), *Sđđ*, tr.43.

(3) Bùi Xuân Hải (2016, chủ biên), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh* (tái bản lần 1), Nxb. Hồng Đức - Hội luật gia, tr.68.

(4) Terry Miller & Anthony B. Kim (2010), *Defining Economic Freedom - 2010 Index of Economic Freedom*, The Heritage Foundation & The WallStreet Journal, tr.59.

(5) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), World Bank (2017), *Báo cáo rà soát: Điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam*, Hà Nội, tr. 1.

(6) Đoàn Văn Trường (1999), *Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động công ty cổ phần*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, tr.22.

tư luôn phải quan tâm nghiên cứu để đưa ra phương án trả lời và sự lựa chọn phù hợp nhất⁽⁷⁾. Các nhà đầu tư có thể sáng tạo ra các phương thức tổ chức doanh nghiệp mới, đáp ứng điều kiện, nhu cầu của mình. Vì thế, pháp luật với tư cách là ghi nhận thực tiễn đời sống kinh doanh, cần thiết phải thừa nhận, quy định đa dạng loại hình doanh nghiệp thì khả năng lựa chọn của các nhà đầu tư càng dễ dàng, quyền tự do kinh doanh được đảm bảo tốt hơn. Nếu ngược lại, sẽ hạn chế quyền của công dân.

Như vậy, nội dung của quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp được hiểu là quyền của các nhà đầu tư có thể tự do lựa chọn các loại hình tổ chức kinh doanh thích hợp nhằm tạo điều kiện và khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh, qua đó, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế⁽⁸⁾. Pháp luật cần thiết ghi nhận nhiều mô hình tổ chức kinh doanh, đặc biệt nhiều loại hình công ty cho các nhà đầu tư lựa chọn⁽⁹⁾. Qua đó thể hiện đặc tính quan trọng của pháp luật kinh tế là phải mang tính dự báo, một mặt để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của nền kinh tế, đồng thời tạo ra định hướng và cơ sở pháp lý cho những sự lựa chọn loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư. Giúp việc thành lập doanh nghiệp an toàn hơn và hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư, góp phần tăng cường thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn thành lập doanh nghiệp để kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của pháp luật là xác định các yếu tố và tạo ra những bảo đảm cho việc thực hiện quyền tự do kinh doanh, bằng việc tôn trọng và ghi nhận sự sáng tạo của các nhà đầu tư về các loại hình doanh nghiệp. Bởi, một trong những đặc tính của pháp luật là phải mang tính dự báo, một mặt để đáp ứng kịp thời với

điều kiện hoàn cảnh xã hội và tạo ra hướng mở cho những loại hình tổ chức kinh doanh phát sinh trong thực tiễn của đời sống. Chỉ có thế, pháp luật mới mang tính ổn định và bền vững.

2. Thực trạng quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp trong pháp luật Việt Nam

Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới (năm 1986), theo đó: Luật Công ty 1990, Luật Doanh nghiệp 1999 lần lượt được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các loại hình công ty ra đời và phát triển. Tuy vậy, các đạo luật này chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn kinh doanh. Bằng chứng là Luật Công ty 1990 chỉ quy định hai loại hình công ty là công ty cổ phần (CTCP) và công ty trách nhiệm hữu hạn (CTTNHH). Đến Luật Doanh nghiệp 1999, tách CTTNHH thành hai loại: một thành viên và hai thành viên trở lên, bổ sung thêm hai loại hình là công ty hợp danh (CTHD) và doanh nghiệp tư nhân (DNTN). Tuy nhiên, CTTNHH một thành viên chỉ cho phép tổ chức có quyền thành lập, cá nhân không được thành lập. Đến Luật Doanh nghiệp 2005, cho phép cá nhân, tổ chức có quyền thành lập CTTNHH một thành viên. Loại hình CTHD ban đầu cũng chỉ được quy định sơ sài bằng 4 điều trong Luật Doanh nghiệp (LDN) 1999. Đến nay, chế định về CTHD

⁽⁷⁾ Trần Trí Trung (2012), “Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chế định tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, tập 28, tr.63-68.

⁽⁸⁾ Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2016), *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, Nxb. Tài chính, tr. 277.

⁽⁹⁾ Bùi Xuân Hải (chủ biên, 2016), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nxb.Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam (tái bản lần 1), tr.19.

vẫn chưa phản ánh được bản chất của loại hình công ty này khi nhà làm luật cố gán ghép chung hai loại hình CTHD và công ty hợp vốn đơn giản (CTHVĐG) thành một chế định về CTHD. LDN hiện hành vẫn giữ nguyên các loại hình doanh nghiệp này.

Các loại hình doanh nghiệp được quy định trong pháp luật ở Việt Nam đã đáp ứng được phần lớn các nhu cầu thực tiễn đời sống kinh doanh của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc tạo lập các công ty phụ thuộc vào ý chí của những nhà đầu tư, bởi chính họ lựa chọn và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn đó. Do đó, vai trò của pháp luật phải ghi nhận và mang tính dự báo về các dạng liên kết có thể hình thành trong đời sống; từ đó, sẽ tạo ra các cơ sở pháp lý nhằm tôn trọng quyền tự do kinh doanh và sáng tạo của nhà đầu tư về các loại hình tổ chức kinh doanh. Một số vấn đề thực trạng quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp trong pháp luật hiện nay có thể kể đến:

Thứ nhất, các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam bao gồm: CTTNHH một thành viên, CTTNHH hai thành viên trở lên, CTCP, CTHD và DNTN. Như vậy, nếu theo nguyên tắc *công dân có quyền làm tất cả những gì pháp luật không cấm* thì trong trường hợp pháp luật chưa có quy định về một hình thức doanh nghiệp, thì công dân vẫn có quyền được thực hiện.

Thực tế chưa có bất kỳ một quy định nào không cho phép công dân có quyền được lựa chọn thành lập một loại hình doanh nghiệp chưa được quy định trong LDN hiện hành. Theo quy định pháp luật hiện nay, muốn thành lập doanh nghiệp nhà đầu tư cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Các cơ quan đăng ký kinh doanh, các cán

bộ công chức lại hoạt động dựa trên nguyên tắc *“chỉ được làm những gì pháp luật quy định”*. Nếu pháp luật chưa có quy định thì không có cơ sở để thực hiện cho phép thành lập. Có sự mâu thuẫn, có nhiều cách hiểu khác nhau giữa các nguyên tắc thực hiện pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư.

Thứ hai, các quy định về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam thường là quyền của doanh nghiệp, có nghĩa nếu hiểu theo cách này thì quyền tự do kinh doanh chỉ phát sinh sau khi mà các nhà đầu tư đã lựa chọn loại hình doanh nghiệp để thành lập và hoạt động. Theo quy định của LDN 2014: *“Điều 7. Quyền của doanh nghiệp: 1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. 2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh. 3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn. 4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng...”*⁽¹⁰⁾. LDN chưa xem xét quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp trước hết là quyền của cá nhân, của nhà đầu tư trong đó có quyền sáng tạo ra các loại hình doanh nghiệp. Chính vì vậy, chưa tạo cơ sở pháp lý cho việc ra đời của các loại hình doanh nghiệp mới và hoàn thiện pháp luật theo hướng bổ sung đa dạng loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam.

Dưới góc độ pháp lý, quyền tự do kinh doanh là quyền của các nhà đầu tư trong việc lựa chọn lĩnh vực ngành nghề để đầu tư vốn, tự do thành lập doanh nghiệp, tự

⁽¹⁰⁾ Theo Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014.

do chọn loại hình doanh nghiệp, tự do xác định loại tài sản góp vốn vào doanh nghiệp, tự do tổ chức bộ máy hoạt động, cách thức tổ chức, quản lý doanh nghiệp... nhằm tiến hành hoạt động kinh doanh. Vì thế, tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định và được chi tiết trong các quy định của luật chuyên ngành có liên quan.

Thứ ba, theo cả khía cạnh lý luận và thực tiễn, việc nhà nước hạn chế quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp mà không có lý do chính đáng làm ảnh hưởng lớn đến quyền hiến định của công dân. Việc thực hiện các quyền tự do kinh doanh, tự do ý chí của nhà đầu tư là cơ sở cho hình thành và ra đời đa dạng các loại hình công ty. Chính vì thế, “*pháp luật về các chủ thể kinh doanh trong pháp luật về kinh tế có vị trí quan trọng như đối với các quy định pháp luật về thể nhân trong pháp luật về dân sự*”⁽¹¹⁾. Với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về quyền tự do kinh doanh của công dân đã cho thấy những nỗ lực của nhà nước trong việc tôn trọng và bảo đảm những quyền hiến định của công dân. Đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới, các nhà đầu tư mong muốn phát huy mọi nguồn lực của mình góp phần xây dựng nền kinh tế phát triển.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam hiện hành không thừa nhận các hình thức công ty được các nhà đầu tư thành lập trong thực tế, có nghĩa là ngoài các loại hình được LDN ghi nhận và điều chỉnh, thì các nhà đầu tư không thể thành lập các loại hình doanh nghiệp khác. Trong khi đó, thực tiễn kinh doanh các hình thức góp vốn và tính chất

liên kết tạo lên sự giao thoa giữa các loại hình doanh nghiệp đã có để tạo ra ưu thế, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của các nhà đầu tư. Thực tế cho thấy rằng “*công ty với tất cả các loại hình của nó, không chỉ riêng loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, đang là nhân tố làm biến đổi bộ mặt kinh tế-xã hội và nhận thức ở Việt Nam hiện nay*”⁽¹²⁾.

Thứ năm, thực trạng đó không phù hợp với xu hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo, mở rộng quyền tự do kinh doanh của công dân và cùng với chủ trương của Đảng và Nhà nước là huy động mọi nguồn lực của xã hội để phát triển kinh tế đất nước. “*Với tính cách là pháp luật của việc xác lập “đầu vào” của thị trường, pháp luật về doanh nghiệp cũng cần có những tư tưởng và quan niệm thống nhất về việc thể chế hóa một cách cụ thể nguyên tắc tự do kinh doanh, mà cụ thể là tự do thành lập doanh nghiệp của các nhà đầu tư*”⁽¹³⁾.

3. Một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp trong pháp luật Việt Nam

Những nhà đầu tư khi thành lập doanh nghiệp hoàn toàn tự chủ có quyền lựa chọn hình thức, mô hình kinh doanh phù hợp với mong muốn, nhu cầu của mình. Trong đời sống thực tiễn kinh doanh, các

⁽¹¹⁾ Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2016), *Thể chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, Nxb. Tài chính, tr. 41.

⁽¹²⁾ Ngô Huy Cương (2003), “Cơ sở triết học của hợp đồng thành lập công ty”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Kinh tế - Luật*, Tập XIX, (4), tr.1- 8.

⁽¹³⁾ Đồng Ngọc Ba (2005), “Cấu trúc hệ thống pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (1), tr.30-33.

chủ thể có thể sáng tạo ra những liên kết khác nhau để đáp ứng điều kiện, nhu cầu và sở thích của mình. *Đối với các nhà đầu tư, lựa chọn mô hình kinh doanh là một công việc rất quan trọng và có nhiều ý nghĩa. Kinh doanh theo mô hình nào, mô hình tổ chức đó có phù hợp hay không... là những vấn đề mà nhà đầu tư luôn phải quan tâm nghiên cứu để đưa ra phương án trả lời và sự lựa chọn phù hợp nhất*⁽¹⁴⁾. Vì thế đòi hỏi sự ghi nhận trong các quy định pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho sự ra đời, hoạt động và giải quyết tranh chấp đối với các loại hình tổ chức kinh doanh khi các nhà đầu tư lựa chọn. Trong bài viết này, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, thay đổi tư duy và kỹ thuật xây dựng pháp luật điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp. Việc tạo lập công ty dựa trên ý chí của những nhà đầu tư khi lựa chọn các loại hình công ty theo quy định trong pháp luật phải phù hợp với thực tế kinh doanh. Pháp luật phải thừa nhận càng đa dạng loại hình công ty thì các nhà đầu tư có thể lựa chọn nhiều loại hình doanh nghiệp để thực hiện kinh doanh, quyền tự do kinh doanh được đảm bảo tốt hơn. Việc quy định đa dạng các loại hình doanh nghiệp nhằm *“để bảo đảm quyền tự do kinh doanh và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn một mô hình kinh doanh thích hợp*”⁽¹⁵⁾. Cần thiết phải xây dựng pháp luật về các loại hình doanh nghiệp theo hướng thúc đẩy sự vận hành và phát triển của nền kinh tế thị trường nhằm thừa nhận và mở rộng các quyền tự do ý chí, tự do kinh doanh và tự do sở hữu của công dân.

Vấn đề đặt ra cho nhà nước là phải *“tạo cơ sở pháp luật để công dân tích cực huy động mọi tiềm năng, nguồn lực và phát*

triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và góp phần làm giàu cho đất nước”⁽¹⁶⁾. Qua đó, tạo môi trường pháp lý ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành và góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các quy định pháp luật là *“chỉ nên ghi nhận và đảm bảo thực hiện các quyền tự do kinh doanh của công dân, thay vì quy định cứng nhắc, mang tính áp đặt*”⁽¹⁷⁾. Theo đó, nhà nước có trách nhiệm *“cung cấp các công cụ bảo hộ cần thiết để người dân có thể thực hiện quyền tự do của mình*”⁽¹⁸⁾. Bảo đảm các quy định pháp luật về các loại hình doanh nghiệp không chỉ phải phù hợp với thực tiễn nền kinh tế Việt Nam, mà còn phải đảm bảo sự tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp cần phải được đổi mới và hoàn thiện, nhằm tạo tiền đề và cơ sở cho sự phát triển nền kinh tế - xã hội bền vững.

⁽¹⁴⁾ Trần Trí Trung (2012), “Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chế định tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, (28), tr.63 - 68.

⁽¹⁵⁾ Bùi Xuân Hải (chủ biên, 2016), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam (tái bản lần 1), tr.19.

⁽¹⁶⁾ Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội, mục II.3.

⁽¹⁷⁾ Mai Hồng Quý, *Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, năm 2012, tr.233.

⁽¹⁸⁾ Phạm Duy Nghĩa (2010), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.102-103.

Cùng với việc xây dựng môi trường pháp lý cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, các thể chế thị trường ở Việt Nam cũng từng bước được hình thành. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật mang tính “đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁹⁾.

Thứ hai, có hai vấn đề mà các nhà làm luật cần thiết xem xét đến khi sửa đổi, bổ sung LDN hiện hành nhằm bảo đảm và mở rộng quyền tự do lựa chọn các loại hình doanh nghiệp của nhà đầu tư là:

Một là, LDN cần phải được “thiết kế” đa dạng hơn các loại hình tổ chức kinh doanh để các nhà đầu tư có quyền tự do lựa chọn loại hình phù hợp cho mình. Những loại hình mà đã ra đời và được ghi nhận trong pháp luật các nước và ở trong lịch sử pháp luật Việt Nam, thì cần thiết phải được nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm để xây dựng và ghi nhận vào pháp luật. Xuất phát từ bản chất của công ty và của nền kinh tế thị trường đòi hỏi hệ thống pháp luật điều chỉnh các loại hình công ty phải linh hoạt, mang tính bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu và bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.

Hai là, LDN cần phải “công nhận”, “ghi nhận” những loại hình tổ chức kinh doanh mà thực tiễn đời sống kinh doanh phát sinh (do các nhà đầu tư sáng tạo ra) nhằm đưa ra cơ chế pháp lý bảo vệ các nhà đầu tư và bên thứ ba liên quan. Đặc biệt trong hoàn cảnh pháp luật Việt Nam không thừa nhận những loại hình tổ chức kinh doanh được nhà đầu tư thành lập trong thực tế. Trước những yêu cầu đổi mới nền kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, nhu cầu đặt ra cho hệ thống pháp luật về

các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay là “*phải thực hiện trên cơ sở tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài, sao cho pháp luật Việt Nam ngày càng tiếp cận để rồi tiến tới sự hòa nhập với pháp luật thế giới*”⁽²⁰⁾.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, pháp luật cần thiết phải tạo ra được hành lang pháp lý của một nền kinh tế thị trường mà trong đó hệ thống pháp luật bảo vệ và thi hành tốt các quyền tự do ý chí và tự do kinh doanh của tất cả các nhà đầu tư. Có thể thấy rằng, muốn huy động tối đa nguồn lực đầu tư của các thành phần trong xã hội, nhà nước cần thừa nhận và bổ sung chế định CTHVCP vào trong LDN sẽ làm đa dạng các loại hình doanh nghiệp mà các nhà đầu tư có thể lựa chọn để khởi sự các hoạt động kinh doanh của mình.

4. Kết luận

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam cần thiết phải dựa trên cơ sở tiếp thu một cách có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước có nền kinh tế phát triển. Bằng việc thúc đẩy các quyền cơ bản của công dân như: tự do sở hữu, tự do ý chí và tự do kinh doanh, Nhà nước sẽ tạo điều kiện tham gia hoạt động kinh doanh thông qua việc quy định đa dạng các loại hình doanh nghiệp, sẽ tạo điều kiện và đảm bảo cho các nhà đầu tư tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp với nhu cầu, định hướng kinh doanh nhất định.

⁽¹⁹⁾ Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội, mục I.1.

⁽²⁰⁾ Nguyễn Thị Thu Vân (2008), *Một số vấn đề về công ty và hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.142.

Pháp luật về doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam không thể đứng ngoài những nhu cầu mang tính quy luật của nền kinh tế thị trường với các quan hệ kinh tế đa dạng và không ngừng biến đổi. Sự ra đời của các loại hình tổ chức kinh doanh mới, đáp ứng các nhu cầu liên kết của nhà đầu tư vừa mang tính quy luật và cũng là đòi hỏi khác quan. Khi đó, Nhà nước mới huy động một cách tốt nhất mọi nguồn lực để phát triển nền kinh tế - xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đông Ngọc Ba (2005), “Cấu trúc hệ thống pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (1).
2. Ngô Huy Cương (2003), “Cơ sở triết học của hợp đồng thành lập công ty”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Kinh tế - Luật*, Tập XIX, (4).
3. Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bùi Xuân Hải (2016, chủ biên), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh* (tái bản lần 1), Nxb. Hồng Đức - Hội luật gia.
5. Phạm Duy Nghĩa (2010), *Giáo trình Luật Kinh tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Mai Hồng Quỳnh (2021), *Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
7. Phan Thị Thanh Thủy (2015), “Hình thức pháp lý doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Luật học*, tập 31, (4).
8. Đoàn Văn Trường (1999), *Thành lập, tổ chức và điều hành hoạt động công ty cổ phần*, Nxb. Khoa học kỹ thuật.
9. Trần Trí Trung (2012), “Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chế định tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, tập 28.
10. Nguyễn Thị Thu Vân (2008), *Một số vấn đề về công ty và hoàn thiện pháp luật về công ty ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia.
11. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội, mục II.3.
12. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), World Bank (2017), *Báo cáo rà soát: Điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam*, Hà Nội.
13. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2016), *Thế chế pháp luật kinh tế một số quốc gia trên thế giới*, Nxb. Tài chính.
14. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2007), *Những nguyên tắc cơ bản của việc kinh doanh*, Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế. Theo Website <https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/transdoc/transPrinciplesOfEntrepreneurship.pdf>
15. Terry Miller & Anthony B. Kim (2010), *Defining Economic Freedom - 2010 Index of Economic Freedom*, The Heritage Foundation & The WallStreet Journal.